

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 53/2018/HS-ST
Ngày: 21/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, TP.HCM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Trung Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lý
2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thanh Tùng – Thư ký

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2018, đối với bị cáo:

1. Phạm Hoàng Ngọc C (Bi); sinh ngày 29/10/1995; hộ khẩu thường trú: 66/5 đường X, phường Y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông: không rõ; và bà: Phạm Thị Thùy T (C); chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 29/3/2012, bị TAND quận Bình Thạnh, Tp.HCM xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/02/2013; Ngày 24/9/2014, bị TAND quận Bình Thạnh, Tp.HCM xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/12/2016; bị bắt, tạm giam ngày: 23/6/2017. (Có mặt)

2. Nguyễn Anh T (Queo); sinh năm: 1991; hộ khẩu thường trú: 124/76 đường X, phường Y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C; và bà: C Thị H; chưa có vợ con; tiền án: Ngày 28/9/2011, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phúc thẩm, phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 29/6/2012, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, tổng hợp hình phạt là 04 năm 09 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/01/2016; tiền sự: không; bị bắt, tạm

giam ngày: 23/6/2017. (Có mặt)

3. Lê Duy K (K chĩa); sinh ngày 21/5/1992; hộ khẩu thường trú: tổ 47 ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn T (C); và bà: Vũ Thị Bích N; vợ Nguyễn Trần Trúc L, có 01 con sinh năm 2016; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 24/9/2010, bị TAND quận Gò Vấp, Tp.HCM xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản"; Ngày 27/4/2011, bị TAND Quận 1, Tp.HCM xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp tài sản", tổng hợp hình phạt là 05 năm 06 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/6/2014); bị bắt, tạm giam ngày: 02/8/2017. (Có mặt)

- Bị hại:

1. Anh Trần Như S, sinh năm 1971, địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

2. Anh Trương Công H, sinh năm 1967, địa chỉ: 48 đường x, khu phố y, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

3. Anh Phạm Quang T, sinh năm 1971, địa chỉ: 417 Tỉnh lộ x, khu phố y, phường Tam Phú, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

4. Anh Đặng Huỳnh B, sinh năm 1996, địa chỉ: 102 đường x, tổ y, khu phố z, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

5. Anh Hoàng Đức H, sinh năm 1974, địa chỉ: 62/72 đường Đ, phường x, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

6. Anh Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1983, địa chỉ: 17/5/13 đường T, khu phố x, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

7. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1991, địa chỉ: 638 quốc lộ x, khu phố y, phường H, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

8. Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1969, địa chỉ: 713/16 quốc lộ x, khu phố y, phường H, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

9. Anh Bùi Thanh H, sinh năm 1981, địa chỉ: 16/6 đường x, phường T, quận y, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

10. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1974, địa chỉ: 59 đường Đ, phường P, quận x, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Võ B, sinh năm 1983, địa chỉ: 638 Quốc lộ x, khu phố y, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1990, địa chỉ: 124/76 đường X,

Phường x, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Khoảng 10 giờ ngày 22/6/2017, Phạm Hoàng Ngọc C gọi điện thoại cho Nguyễn Anh T rủ T đến nhà của Lê Duy K tại quận B thì T đồng ý. Sau đó, T và C đến nhà của K thì gặp Tý (chưa rõ lai lịch). Tý đi mua cà phê về cho cả nhóm uống và tại đây C rủ cả nhóm đi chơi thì 04 người đồng ý. Khi C nói đi chơi thì cả nhóm tự hiểu là đi cướp tài sản của người khác do trước đây cả nhóm đã thực hiện các vụ cướp tài sản và C có nói cả nhóm đi theo, khi nào C kêu dừng thì dừng, thấy nói là cứ làm theo, cứ nói mày đánh em tao phải không để đe dọa uy hiếp tinh thần của bị hại để cướp tài sản (BL 261). Sau đó, T điều khiển xe chở C; Tý chở K chạy theo sau đi về hướng quận T và chạy trên Quốc lộ x. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày thì cả nhóm đến trước bãi xe Komatsu tại địa chỉ STT 20, Quốc lộ x, khu phố y, phường L, quận T thì C phát hiện anh Trần Như S và anh Trương Công H đang sửa xe nên nói cả nhóm dừng lại. C và K đi vào còn T và Tý ở ngoài cảnh giới. C đến gần anh S và chỉ tay vào anh S hỏi “hôm qua mày đánh em tao phải không?” rồi dùng tay phải nắm cổ áo và đánh vào ngực anh S 02 cái và lấy chiếc bóp trong túi quần sau của anh S để vào túi quần phía trước của C (trong bóp có số tiền 13.480.000 đồng) (BL 231-232). Lúc này, K cũng tiến lại chỗ anh H dùng tay trái nắm lưng áo của anh H kéo lại và nói khoảng 03 lần “hôm qua mày đánh em tao phải không?” còn T thì đẩy xe vào giữa anh H và anh S. C thấy K nắm áo anh H thì tiến lại chỗ anh H và hỏi “phải thẳng này không?” và dùng tay nắm cổ áo đánh vào anh H 02 cái rồi lấy bóp của anh H (trong bóp có 70.000 đồng) rồi C ra xe để T chở, K ra xe để Tý chở bỏ trốn (BL : 242). Trên đường đi, C nhét chiếc bóp lấy được của anh H vào trong áo của T và bị rơi mất. Khi cả nhóm chạy trên đường P, trước chùa U, phường H, quận T thì C và T bị lực lượng hình sự đặc nhiệm Đội cảnh sát hình sự Công an quận Thủ Đức bắt giữ cùng vật chứng, riêng K và Tý chạy thoát.

Anh S và anh H sau khi bị cướp tài sản thì đến Công an phường L, quận T trình báo.

Ngày 02/8/2017, Lê Duy K đến xã Bàu Chính, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đầu thú (BL 135). Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, Phạm Hoàng Ngọc C, Nguyễn Anh T và Lê Duy K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Biên bản định giá tài sản số 430/UBND-TCKH ngày 05/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Thủ Đức kết luận: 01 bóp da có giá trị: 20.000 đồng, 01 bóp da có giá trị 150.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

- 01 cây tuốc nơ vít.

- 01 dao Thái lan cán màu vàng, lưỡi màu trắng.

- 01 bóp da bên trong có 13.480.000 đồng và các giấy tờ tùy thân của anh S (đã trả lại bị hại).

- 01 xe mô tô hiệu Luvias màu trắng đỏ biển số 59S 1-273.87, số máy 44S1-045700, số khung 10BY-045699.

Qua xác minh, xe mô tô biển số 59S1-273.87 do chị Nguyễn Thị Ngọc C (chị của Nguyễn Anh T) đứng tên sở hữu. Chị C thường xuyên để xe ở nhà nên T có mượn xe của chị C. Việc T sử dụng xe trên đi cướp chị C không biết, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức đã trả lại xe cho chị C. (BL 160).

Trách nhiệm dân sự: Anh Trương Công H yêu cầu bồi thường 70.000 đồng và bồi thường giá trị chiếc bóp là 150.000 đồng. Anh Trần Như S nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì (BL 172).

Ngoài ra, bằng thủ đoạn giả bộ là có em bị đánh, C và T đã tiếp cận bị hại, dùng vũ lực và đe dọa bị hại để cướp tài sản, C và T đã thực hiện 08 vụ cướp tài sản khác (BL : 233-234, 239-240, 273), cụ thể :

1. Vụ thứ 1: Khoảng 13 giờ 30 ngày 20/4/2017, C và T đi đến trước địa chỉ nhà số 417 Tỉnh lộ x, khu phố y, phường T, quận T thì C thấy anh Phạm Quang T dắt xe ra khỏi nhà, xung quang vắng vẻ. C nói T dừng xe và C đến gần anh T nói “Chiều hôm qua ông có đánh em tôi không?”. Anh T hoảng sợ trả lời không có thì C túm cổ áo anh T đẩy tới đẩy lui giằng co với anh T rồi lấy bóp của anh T bên trong có 10.500.000 đồng và giấy tờ tùy thân (chiếc bóp đã cũ không còn giá trị). Sau đó, C lên xe để T chở tẩu thoát, số tiền trên C và T chia nhau tiêu xài.

Trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Quang T yêu cầu nhận lại số tiền 10.500.000 đồng (BL 177).

2. Vụ thứ 2: Khoảng 16 giờ 30 ngày 25/4/2017, C và T đi đến trước nhà số 57 đường số 2, khu phố 8, phường T, quận T thì C thấy anh Đặng Huỳnh B đang làm việc một mình. C xuống xe đến gần anh B nói “sao mày đánh em tao” và túm cổ áo xô đẩy đe dọa anh B. Anh B bị bất ngờ hoảng sợ trả lời không có thì C nhanh chóng lấy chiếc bóp của anh B có 700.000 đồng và giấy tờ tùy thân (chiếc bóp đã cũ không còn giá trị). Anh B tri hô “Cướp” thì có nhiều người chạy đến nên C lên xe cùng T tẩu thoát, số tiền chiếm đoạt được C và T chia nhau tiêu xài.

Trách nhiệm dân sự: Anh Đặng Huỳnh B yêu cầu nhận lại số tiền 700.000 đồng (BL 181).

3. Vụ thứ 3: Khoảng 11 giờ ngày 07/5/2017, T chở C đến trước địa chỉ 490 Quốc lộ x, phường H, quận T thì thấy Anh Hoàng Đức H ở một mình. C nói T dừng xe và C tiến đến anh H nói “hôm qua mày đánh em tao” rồi C túm cổ áo xô đẩy anh H một lúc. Sau đó C lấy chiếc bóp của anh H bên trong có 5.000.000 đồng và giấy tờ tùy thân (chiếc bóp đã cũ không còn giá trị) rồi lên xe để T chở tẩu thoát. Số tiền chiếm đoạt được, C và T chia nhau tiêu xài.

Trách nhiệm dân sự: Anh Hoàng Đức H yêu cầu nhận lại số tiền 5.000.000 đồng (BL 186).

4. Vụ thứ 4 : Khoảng 12 giờ 30 ngày 26/5/2017, T chở C đến trước tiệm điện lạnh T, số 102 đường G, khu phố x, phường T, quận T thì thấy có một mình anh Nguyễn Thanh Q trong tiệm. T dừng xe để C vào tiếp cận anh Q. C tiến đến gần anh Q dùng tay chỉ vào mặt và hỏi “hôm qua thằng em tao làm ở đây bị mày đánh phải không?” và dùng tay xô đẩy anh Q, đồng thời C lấy chiếc bóp của anh Q có 14.500.000 đồng và giấy tờ tùy thân (chiếc bóp đã cũ không còn giá trị). Anh Q tri hô cướp nhưng xung quanh không có ai, C lên xe để T chở tẩu thoát. Số tiền chiếm đoạt C và T chia nhau tiêu xài (BL 189).

Trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Thanh Q yêu cầu nhận lại số tiền 14.500.000 đồng (BL 192).

5. Vụ thứ 5: Khoảng 13 giờ 40 phút ngày 08/6/2017, T chở C đến trước nhà số 638 Quốc lộ x, khu phố y, phường H, quận T thì thấy anh Võ B một mình trước nhà nên C tiến đến hỏi anh B “mày phải thằng hôm qua đánh em tao gãy chân gãy tay nằm bệnh viện Chợ Rẫy?”. Nói xong C túm cổ áo anh B xô đẩy. Lúc này có anh Nguyễn Văn L từ sau nhà chạy lên đến thì C dùng tay kẹp cổ anh L và đánh vào mặt anh L, C nói “mày đánh em tao gãy chân gãy tay vào bệnh viện nuôi” và lấy bóp của anh L, trong bóp có 12.000.000 đồng và giấy tờ tùy thân (chiếc bóp đã cũ không còn giá trị), (BL197).

Trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn L yêu cầu bồi thường 12.000.000 đồng (BL197).

6. Vụ thứ 6 : Khoảng 14 giờ ngày 08/6/2017, T chở C đến trước nhà số 718/16 Quốc lộ x, khu phố y, phường H, quận T thì thấy anh Nguyễn Thanh H đứng trước nhà một mình nên C tiến đến đe dọa anh H và hỏi “sao hôm qua đánh em tao chở gạo qua đây?” Anh H hoảng sợ trả lời “làm gì có chuyện đó”. C đập tay vào vai anh H thì anh H đẩy C ra, lúc này C lấy chiếc bóp của anh H bên trong có 7.500.000 đồng và giấy tờ tùy thân (chiếc bóp đã cũ không còn giá trị). Sau đó C lên xe để T chở đi tẩu thoát. Số tiền chiếm đoạt được C và T chia nhau tiêu xài (BL 201).

Vụ thứ 7: Khoảng 13 giờ ngày 13/6/2017, T chở C đến trước bãi đất trống thuộc khu phố x, trên đường G, phường T, quận T thì thấy anh Bùi Thanh H đang ở lán trại một mình. C nói T dừng xe để C vào đe dọa anh H và hỏi “sao mày đánh em tao” rồi chụp cổ áo của anh H giằng co với anh H. Anh H phản ứng lại thì C kéo anh H ra đường. Anh H quá bất ngờ nên hoảng sợ nói “anh lộn rồi”, lúc này C lấy chiếc bóp (chiếc bóp đã cũ không còn giá trị) của anh H và nhanh chóng lên xe để T chở đi tẩu thoát (BL 205). Bên trong bóp có 4.200.000 đồng và giấy tờ tùy thân, số tiền chiếm đoạt được C và T chia nhau tiêu xài.

Trách nhiệm dân sự: Anh Bùi Thanh H yêu cầu bồi thường 4.200.000 đồng (BL 205).

8. Vụ thứ 8: Khoảng 13 giờ 40 phút ngày 16/6/2017, C chở T đến công trình xây dựng tại số 86 đường x, phường T, quận T thấy anh Nguyễn Văn H ở một mình, nên T dừng xe để C vào tiếp cận anh H. C tiến đến chỉ tay vào mặt anh H đe dọa và hỏi “tại sao mày chém em tao” và giằng co với anh H. Lúc này, C lấy chiếc bóp của anh H bên trong có 1.600.000 đồng và giấy tờ tùy thân (chiếc bóp đã cũ không còn giá trị). Số tiền chiếm đoạt C và T chia nhau tiêu xài. Anh H sau đó đã nhận lại được chiếc bóp và giấy tờ tùy thân do có người ném vào trụ sở Công an phường P, Quận x, riêng số tiền không còn trong bóp (BL 207-209).

Vật chứng vụ án: 01 chiếc bóp và giấy tờ tùy thân của anh Nguyễn Văn H.

Trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn H không yêu cầu bồi thường (BL 209).

Các bị hại khai khi bị C vào dùng vũ lực và đe dọa thì các bị hại hoảng sợ, tê liệt ý chí và không kịp phản ứng gì. K, C và T khai nhận khi bị nhóm của C vào túm áo xô đẩy thì các bị hại sẽ bị uy hiếp và hoảng sợ.

Tiến hành cho C chỉ điểm, C chỉ đúng 08 địa điểm mà C và T đã thực hiện 08 vụ cướp giật trên, phù hợp với lời khai của 08 bị hại.

Tiến hành cho các bị hại: Trần Như S, Phạm Quang T, Hoàng Đức H, Đặng Huỳnh B thì những người trên nhận dạng ra C là người đã vào đe dọa, túm áo xô đẩy bị hại và đã cướp tài sản của bị hại. (BL 261-272).

Ngoài ra, C, T và K còn khai nhận thực hiện khoảng 05 vụ cướp tài sản khác (C, T và K cùng thực hiện 01 vụ. C và T cùng thực hiện 04 vụ) nhưng hiện nay chưa xác định được bị hại nên tách ra xử lý sau.

Nguyên nhân và điều kiện phạm tội: các bị cáo C, T và K không có nghề nghiệp ổn định, để có tiền tiêu xài thỏa mãn cho bản thân nên đã thực hiện hành vi cướp tài sản lấy tiền tiêu xài.

Đây là vụ án cướp tài sản mà các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần để nuôi sống bản thân, các bị cáo ngầm hiểu với nhau khi bắt đầu xuất phát và có sự phối hợp chặt chẽ khi thực hiện các vụ cướp. Tuy nhiên khi bị bắt thì các bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo K đầu thú.

T, K và C còn khai thực hiện nhiều vụ cướp tài sản khác nữa nhưng chưa xác định được bị hại, khi nào tìm được bị hại thì sẽ làm rõ xử lý sau.

Đối với hành vi cướp tài sản của người thanh niên tên Tý, do chưa xác định được lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức tách ra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Hoàng Ngọc C, Nguyễn Anh T, Lê Duy K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Bị hại anh Nguyễn Văn L khai sự việc bị cướp đúng như lời khai của bị cáo

và Cáo trạng nêu. Anh bị chiếm đoạt số tiền 12.000.000 đồng, nhưng vụ án đã lâu nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường, về hình phạt thì Hội đồng xét xử xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị Ngọc C khai chiếc xe Luvias bị cáo T sử dụng đi cướp là của chị. Chị Ngọc không biết T lấy xe để đi cướp, đã được Cơ quan điều tra trả lại xe và không có ý kiến gì.

[2] Bản Cáo trạng số 61/2018/CT-VKS ngày 08/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức truy tố bị cáo Phạm Hoàng Ngọc C về tội “Cướp tài sản” theo điểm a, b khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo Nguyễn Anh T về tội “Cướp tài sản” theo điểm a, b, c khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo Lê Duy K về tội “Cướp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tuyên bị cáo Phạm Hoàng Ngọc C, Nguyễn Anh T, Lê Duy K phạm tội "Cướp tài sản". Đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để xử phạt bị cáo Phạm Hoàng Ngọc C từ 08 năm đến 10 năm tù; áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T từ 09 năm đến 11 năm tù; áp dụng điểm a khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để xử phạt bị cáo Lê Duy K từ 07 năm đến 08 năm tù; buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho người bị hại, vật chứng xử lý theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận hoặc bào chữa.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo C xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ để sớm trở về gia đình; bị cáo T biết sai, xin xử bị cáo án mức nhẹ; bị cáo K xin lỗi bị hại, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Phạm Hoàng Ngọc C, Nguyễn Anh T, Lê Duy K phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng,

biên bản trình báo vụ việc, vật chứng và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, có căn cứ xác định các bị cáo Phạm Hoàng Ngọc C, Nguyễn Anh T, Lê Duy K có hành vi dùng vũ lực tấn công làm bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt tài sản. Các bị cáo C, T, K và tên Tý dùng vũ lực chiếm đoạt của anh Trần Như S anh Trương Công H 02 chiếc bóp, chiếc bóp của anh S trị giá 20.000 đồng, bên trong có số tiền 13.480.000 đồng, chiếc bóp của anh H trị giá 150.000 đồng, bên trong bóp có 70.000 đồng và các giấy tờ tùy thân, trị giá tài sản tổng cộng là 13.720.000 đồng; hai bị cáo C, T dùng vũ lực chiếm đoạt tài sản của 8 bị hại: của bị hại anh Phạm Quang T là chiếc bóp bên trong có 10.500.000 đồng và giấy tờ tùy thân, của bị hại anh Đặng Huỳnh B là chiếc bóp bên trong có 700.000 đồng và giấy tờ tùy thân, của bị hại Anh Hoàng Đức H là chiếc bóp bên trong có 5.000.000 đồng và giấy tờ tùy thân, của bị hại anh Nguyễn Thanh Q là chiếc bóp bên trong có 14.500.000 đồng và giấy tờ tùy thân, của bị hại anh Nguyễn Văn L là chiếc bóp bên trong có 12.000.000 đồng và giấy tờ tùy thân, của bị hại anh Nguyễn Thanh H là chiếc bóp bên trong có 7.500.000 đồng và giấy tờ tùy thân, của bị hại anh Bùi Thanh H là chiếc bóp bên trong có 4.200.000 đồng và giấy tờ tùy thân, của bị hại anh Nguyễn Văn H là chiếc bóp bên trong có 1.600.000 đồng và giấy tờ tùy thân. Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý kết luận các bị cáo Phạm Hoàng Ngọc C, Nguyễn Anh T, Lê Duy K đã phạm “Tội cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999. Căn cứ Nghị quyết số 40/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự, do hình phạt của “Tội cướp tài sản” tại Điều 168 Bộ luật Hình sự hiện hành (Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nhẹ hơn của Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 nên áp dụng Điều 168 Bộ luật hình sự để xét xử đối với các bị cáo.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, vì động cơ vụ lợi, các bị cáo không chỉ cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội trên địa bàn dân cư, mà còn xâm phạm đến sức khỏe của người khác. Các bị cáo C, T, K phạm tội có đồng phạm, có sự phân công, phối hợp chặt chẽ, dàn cảnh để tiếp cận và dùng vũ lực bất ngờ tấn công chiếm đoạt tài sản của bị hại, các bị cáo cấu kết thành băng nhóm, liên tục phạm tội, phạm tội có tổ chức, đây là tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự. Hai bị cáo C, T liên tục trong thời gian ngắn thực hiện 9 vụ cướp tài sản đối với 10 người bị hại với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 69.720.000 đồng, lấy việc phạm tội làm nguồn sống chính, phạm tội có tính chuyên nghiệp, đây là tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo K cùng đồng bọn thực hiện 01 vụ cướp có 02 bị hại với trị giá tài sản là 13.720.000 đồng. Về vai trò, bị cáo C là người chủ mưu, rủ rê đồng bọn, các bị cáo T, K là đồng phạm thực hành, đến đánh bị hại để đồng bọn cướp tài sản hoặc đứng cảnh giới để chờ đồng bọn tẩu thoát. Về nhân thân, các bị cáo đều có nhân thân rất xấu, nhiều lần bị kết án. Bị cáo T có 2 tiền án, đã tái phạm, chưa được xóa án lại tiếp tục phạm tội, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, đây là tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự. Bị cáo C đã hai lần bị kết án về tội phạm nghiêm trọng khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên căn cứ điểm b

khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự được coi là không có án tích; bị cáo K bị kết án về tội rất nghiêm trọng do cố ý khi chưa đủ 18 tuổi, với mức án tổng hợp là 05 năm 06 tháng, sau khi chấp hành xong hình phạt chính hơn 02 năm mới phạm tội mới nên căn cứ điểm c khoản 2 Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015 đương nhiên được xóa án. Vì vậy cần xử phạt các bị cáo với hình phạt thật nghiêm khắc, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội, vai trò và nhân thân của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo K đã ra đầu thú, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Bị hại anh Trần Như S đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì khác; anh Nguyễn Văn H đã nhận lại chiếc bóp và giấy tờ, không có yêu cầu bồi thường số tiền bị chiếm đoạt; tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn L không yêu cầu các bị cáo bồi thường, vì vậy ghi nhận.

Những bị hại còn lại đều yêu cầu bồi thường số tiền bị chiếm đoạt, xét thấy yêu cầu của bị hại là có cơ sở, cần áp dụng Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự. buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho từng vụ tham gia thực hiện, cụ thể, các bị cáo C, T, K liên đới bồi thường cho anh Trương Công H 220.000 đồng; hai bị cáo C, T liên đới bồi thường cho anh Phạm Quang T 10.500.000 đồng, anh Đặng Huỳnh B 700.000 đồng, Anh Hoàng Đức H 5.000.000 đồng, anh Nguyễn Thanh Q 14.500.000 đồng, anh Nguyễn Thanh H 7.500.000 đồng, anh Bùi Thanh H 4.200.000 đồng

- 01 cây tuốc nơ vích; 01 dao Thái lan cán màu vàng, lưỡi màu trắng các bị cáo đem theo với mục đích sử dụng khi bị hại chống trả nhưng chưa sử dụng, không còn giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản phải bồi thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Hoàng Ngọc C, Nguyễn Anh T, Lê Duy K phạm “Tội cướp tài sản”.

- Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 168, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: 1. Bị cáo Phạm Hoàng Ngọc C 09 (Chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/6/2017.

- Áp dụng điểm a, b, h khoản 2 Điều 168, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s

khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: 2. Bị cáo Nguyễn Anh T 09 (Chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/6/2017.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: 3. Bị cáo Lê Duy K 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/8/2017.

- Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự,

1. Buộc bị cáo Phạm Hoàng Ngọc C, Nguyễn Anh T, Lê Duy K liên đới bồi thường cho anh Trương Công H 220.000 (Hai trăm hai mươi ngàn) đồng (trách nhiệm theo phần là 74.000 đồng).

2. Buộc bị cáo Phạm Hoàng Ngọc C, Nguyễn Anh T liên đới bồi thường cho:

2.1 Anh Phạm Quang T 10.500.000 (Mười triệu năm trăm ngàn) đồng (trách nhiệm theo phần là 5.250.000 đồng).

2.2. Anh Đặng Huỳnh B 700.000 (Bảy trăm ngàn) đồng (trách nhiệm theo phần là 350.000 đồng).

2.3. Anh Hoàng Đức H 5.000.000 (Năm triệu) đồng (trách nhiệm theo phần là 2.500.000 đồng).

2.4. Anh Nguyễn Thanh Q 14.500.000 (Mười bốn triệu năm trăm ngàn) đồng (trách nhiệm theo phần là 7.250.000 đồng).

2.5. Anh Nguyễn Thanh H 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm ngàn) đồng (trách nhiệm theo phần là 3.750.000 đồng).

2.6. Anh Bùi Thanh H 4.200.000 (Bốn triệu hai trăm ngàn) đồng (trách nhiệm theo phần là 2.100.000 đồng).

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 cây tuốc nơ vích; 01 dao Thái lan cán màu vàng, lưỡi màu trắng.

(Phiếu nhập kho số 65 ngày 06/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, mỗi bị cáo chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm; án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Phạm Hoàng Ngọc C chịu 1.063.700 đồng, Nguyễn Anh

T chịu 1.063.700 đồng, Lê Duy K chịu 300.000 đồng.

- Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)

Nơi nhận:

- Bị cáo, Bị hại; Người có QLNVLQ
- VKSND, CA, Chi cục THA Q.TĐ
- PC27
- VKSND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Trung Tuấn